



**TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2025

THÁNG 07/2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.660.325.020.619	1.774.235.113.712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	660.126.733.159	648.255.427.367
1. Tiền	111		22.526.733.159	25.255.427.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		637.600.000.000	623.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		219.325.919.999	349.325.919.999
1. Chứng khoán kinh doanh	121	(4.2)	219.325.919.999	219.325.919.999
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	130.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		664.077.998.643	660.168.203.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	57.056.211.748	47.200.752.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	600.173.801.395	599.665.992.013
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	16.167.193.443	18.328.731.977
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.319.207.943)	(5.027.273.205)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
III. Hàng tồn kho	140		116.118.605.236	115.926.094.552
1. Hàng tồn kho	141	(4.6)	116.118.605.236	115.926.094.552
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		675.763.582	559.468.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.11)	675.763.582	559.468.359
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(4.14)		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.707.549.678.043	2.144.840.293.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		618.257.500.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(4.2)	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(4.3)	-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	(4.5)	618.257.500.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		225.687.551.560	231.388.869.472
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	219.131.878.602	224.737.766.494
Nguyên giá	222		337.967.873.791	336.717.718.593
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.835.995.189)	(111.979.952.099)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
Nguyên giá	225			
Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(4.9)	6.555.672.958	6.649.102.978
Nguyên giá	228		9.259.505.000	9.259.505.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.703.832.042)	(2.610.402.022)
III. Bất động sản đầu tư	230	(4.10)	1.181.008.544.119	1.227.657.470.274
1. Nguyên giá	231		2.000.366.019.237	2.021.098.555.062
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(819.357.475.118)	(793.441.084.788)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(4.7)	11.401.684.260	11.353.640.167
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.401.684.260	11.353.640.167
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		671.194.398.104	674.442.313.836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.11)	671.194.398.104	674.442.313.836
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.367.874.698.662	3.919.075.407.461

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.433.417.070.768	3.011.430.271.234
I. Nợ ngắn hạn	310		262.790.184.769	213.194.774.083
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.12)	9.219.895.335	10.706.856.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(4.13)	4.175.077.273	4.175.430.184
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.14)	15.922.801.938	12.534.625.046
4. Phải trả người lao động	314			5.845.000.004
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.780.384.380	19.336.469.375
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(4.16)	146.422.423.218	101.992.312.377
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.15)	50.230.101.599	44.180.066.716
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.17)	17.039.501.026	14.424.014.366
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		3.170.626.885.999	2.798.235.497.151
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		16.400.683.048	16.656.124.012
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(4.16)	3.095.476.898.636	2.699.908.346.466
7. Phải trả dài hạn khác	337	(4.15)	58.749.304.315	81.671.026.673
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(4.18.1)	934.457.627.894	907.645.136.227
I. Vốn chủ sở hữu	410		934.457.627.894	907.645.136.227
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.18.2)	548.980.000.000	548.980.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		548.980.000.000	548.980.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		122.133.564.064	94.403.770.564
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		263.344.063.830	264.261.365.663
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		148.638.613.463	107.737.994.167
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		114.705.450.367	156.523.371.496
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.367.874.698.662	3.919.075.407.461

Đồng Nai, ngày 15 tháng 07 năm 2025



Lương Anh Tú
Người lập biểu



Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng




Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	141.189.391.830	101.270.997.799	248.565.696.062	193.410.972.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	141.189.391.830	101.270.997.799	248.565.696.062	193.410.972.895
4. Giá vốn hàng bán	11	54.321.666.558	42.023.192.166	90.707.916.595	81.648.303.913
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	86.867.725.272	59.247.805.633	157.857.779.467	111.764.668.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.117.885.845	1.985.004.504	9.565.802.314	2.102.956.475
7. Chi phí tài chính	22	36.132.751	35.038.663	70.698.251	601.221.945
Trong đó, chi phí lãi vay	23	25.262.551	26.841.463	51.809.051	1.120.836.644
8. Chi phí bán hàng	25	8.404.440.463	16.741.344.514	9.017.134.263	17.462.974.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.983.337.990	7.080.518.274	14.986.615.330	12.746.933.978
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	73.561.699.913	37.375.908.686	143.348.933.937	83.056.495.354
11. Thu nhập khác	31	208.155.114	187.152.560	271.772.514	188.152.560
12. Chi phí khác	32	32.407.407	11.435.417	37.407.407	16.708.257
13. Lợi nhuận khác	40	175.747.707	175.717.143	234.365.107	171.446.303
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	73.737.447.620	37.551.625.829	143.583.299.044	83.227.941.657
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.811.352.892	7.571.038.442	28.827.848.677	16.761.467.659
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	58.926.094.728	29.980.587.387	114.755.450.367	66.466.473.998

Đồng Nai, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Lương Anh Tú
Người lập biểu

Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng

Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		73.737.447.620	37.551.625.829	143.583.209.044	83.227.941.657
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	19.042.063.295	19.756.104.018	38.176.205.118	39.254.116.452
- Các khoản dự phòng	03		4.291.934.738	813.166.819	4.291.934.738	277.246.820
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.117.885.845)	(1.867.052.533)	(9.565.602.314)	(1.985.004.504)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.262.551	(1.067.153.718)	51.809.051	26.841.463
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		91.978.822.359	55.186.690.415	176.537.645.637	120.801.141.888
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	IV.3	407.579.956	(6.047.258.418)	(628.783.133.167)	(35.171.471.612)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	IV.6	15.212.362.027	(208.255.921)	14.986.815.624	(2.949.061.498)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	IV.15	235.622.705.554	402.383.090.225	416.998.462.344	357.848.853.559
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	IV.11	1.938.719.754	2.369.583.779	3.131.620.509	4.604.026.710
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	IV.2	-	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	1.093.995.181	-	(291.592.187)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	IV.14	(14.500.000.000)	(9.500.000.000)	(28.500.000.000)	(19.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	IV.17	(1.167.976.040)	(1.178.233.737)	(2.980.472.040)	(2.994.119.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		329.492.213.610	444.099.611.524	(48.609.061.093)	422.347.777.123
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	IV.9, 11, 12	3.952.379.578	(63.765.264.140)	4.093.359.639	280.158.411.860
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	-	(70.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		130.000.000.000	-	130.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.3	4.064.201.463	309.892.715	8.734.007.246	345.786.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		138.016.581.041	(63.455.371.425)	142.827.366.885	209.604.197.917
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-	-	(248.904.064.286)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(82.347.000.000)	(27.360.000)	(82.347.000.000)	(10.246.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(82.347.000.000)	(27.360.000)	(82.347.000.000)	(259.150.424.286)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		385.161.794.651	380.616.880.099	11.871.305.792	372.801.550.754
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	274.964.938.508	33.357.941.307	648.255.427.367	41.173.270.652
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	V.1	660.126.733.159	413.974.821.406	660.126.733.159	413.974.821.406

Lương Anh Tú
Người lập

Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 15 tháng 07 năm 2025



Hàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp. Ngày 01 tháng 07 năm 2017, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Sonadezi Giang Điền theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3603474037 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp; thay đổi lần thứ ba ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SZG.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 548.980.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	255.000.000.000	46,00%	255.000.000.000	46,00%
Cổ đông khác	293.980.000.000	54,00%	293.980.000.000	54,00%
Cộng	548.980.000.000	100,00%	548.980.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 93 (01/01/2025: 98).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Tái chế phế liệu;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngày 01 tháng 07 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản khu công nghiệp và khu đô thị được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản xây dựng để bán bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Đà Lạt trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn có thể lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- + Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- + Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- + Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- + Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 45 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất | 08 - 46 năm |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất Khu công nghiệp Giang Điền đã trả một lần. Tiền thuê đất được Công ty phân bổ theo diện tích đã cho thuê;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hoạt động còn lại của dự án Khu công nghiệp Giang Điền;
- Chi phí trả trước khác chủ yếu là các chi phí phát sinh chung cho toàn bộ khu công nghiệp Giang Điền như chi phí tư vấn, chi phí sửa chữa, đo vẽ, hồ sơ quy hoạch, thuê pano,... được phân bổ dần không quá 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh. Riêng chi phí dò mìn được phân bổ theo thời gian hoạt động của khu công nghiệp là 49 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo như chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất; chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng, chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp và các khoản chi phí khác.

Chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất được ghi nhận trên diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng căn cứ vào dự toán báo cáo đầu tư do Công ty lập và điều chỉnh theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng và chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp của Khu công nghiệp Giang Điền được ghi nhận trên phần diện tích đất cho khách hàng thuê tính theo tỷ lệ doanh thu phí mặt bằng công nghiệp ghi nhận trong năm nhân với suất đầu tư hạ tầng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, cho thuê đất và phí sử dụng mặt bằng công nghiệp.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh mục 3.7.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh khoản chi phí đi vay vốn phát sinh trong kỳ.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

Cho thuê đất, phí hạ tầng, xử lý chất thải đối với các doanh nghiệp chế xuất	0%
Cung cấp nước sạch sản xuất	5%
Hoạt động cho thuê lại đất, cho thuê nhà xưởng, cho thuê văn phòng và các hoạt động khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.441.621	28.097.668
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.525.291.538	25.227.329.699
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	637.600.000.000	623.000.000.000
Cộng	660.126.733.159	648.255.427.367

(*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

4.2 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu (10%)	219.325.919.999	233.640.000.000	-	219.325.919.999	235.620.000.000	
Công ty CP Nghĩa Tín TCty	219.325.919.999	233.640.000.000	-	219.325.919.999	235.620.000.000	

4.3 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	84.124.271	63.602.137
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	47.366.836	47.366.836
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	16.303.578	16.235.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	20.453.857	-
Phải thu từ khách hàng khác:	56.972.087.477	47.137.150.513
Công ty TNHH Jinhong Vina	5.155.404.718	4.234.038.941
Công ty TNHH Myung Information Technology Việt Nam	4.420.247.548	2.819.034.616
Công Ty CP Đầu Tư An Thịnh Đồng Nai	1.394.691.662	1.061.411.574
Công ty TNHH Dechang Việt Nam	3.860.941.570	2.307.329.366
Công ty CP Nhà Máy Y Tế EBC Đồng Nai	6.181.299.710	5.444.621.813
Công ty Cổ phần New Life Furniture	24.612.914.633	16.305.451.346
Công ty TNHH Lark Smart Logistics Đồng Nai (Việt Nam)	1.797.314.273	3.504.817.478
Các khách hàng khác	16.983.579.066	11.460.445.379
Cộng	57.657.052.128	47.200.752.650

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dài hạn:

Phải thu từ khách hàng:

4.4 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Trả trước người bán là các bên có liên quan	-	111.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	111.000.000
Trả trước cho người bán khác:	599.554.992.013	599.554.992.013
Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP. Biên Hòa	33.240.844.463	33.240.844.463
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Trảng Bom	564.191.299.796	564.191.299.796
Trả trước cho các đối tượng khác	2.741.657.136	2.122.847.754
Cộng	600.173.801.395	599.665.992.013

Dài hạn:

4.5 Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
Ngắn hạn				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	388.000.000	-	373.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	831.595.068	-	3.115.304.107	-
Các khoản ký quỹ	14.464.136.002	-	14.464.136.002	-
Phải thu khác	483.462.373	-	376.291.868	-
Cộng	16.167.193.443	-	18.328.731.977	-

Dài hạn:

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư Phước Bình	618.257.500.000	-	-	-
Cộng	618.257.500.000			

Đây là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Phước Bình về việc hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	310.667.350	-	192.228.650	-
Công cụ, dụng cụ	59.810.836	-	91.842.654	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	115.741.116.097	-	115.427.097.295	-
<i>Khu dân cư An Bình</i>	16.470.357.375	-	16.272.762.573	-
<i>Khác</i>	99.270.758.722	-	99.154.334.722	-
Hàng hóa	7.010.953	-	214.925.953	-
Cộng	116.118.605.236	-	115.926.094.552	-

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tuyến đường nối Khu Công nghiệp Giang Điền vào Quốc lộ 1A	231.490.012	231.490.012
Khu dân cư - Dịch vụ Giang Điền	6.051.282.565	6.051.282.565
Cấp thoát nước Khu công nghiệp Giang Điền	1.482.198.654	1.434.154.561
Đường Khu Công nghiệp Giang Điền	713.372.101	713.372.101
Cụm NX mới trên lô đất 02A & 14	2.139.635.551	2.139.635.551
Cụm NX cho thuê KCN Giang Điền	362.331.449	362.331.449
NMXLNT số 2 công suất 9.000 m ³ /ngày đêm, GD2	-	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	421.373.928	421.373.928
Cộng	11.401.684.260	11.353.640.167

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	274.851.802.475	1.523.248.016	38.929.266.244	21.354.701.858	58.700.000	336.717.718.593
Mua trong năm						-
Đầu tư XD CB hoàn thành						-
Tăng do điều chuyển						-
Giảm do điều chuyển						-
Giảm khác						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Tại ngày 30/06/2025	275.725.367.673	1.899.848.016	38.929.266.244	21.354.701.858	58.700.000	337.967.873.791
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	82.230.888.798	342.313.738	17.633.070.922	11.742.176.318	31.502.323	111.979.952.099
Khấu hao trong năm	5.110.156.618	115.467.962	593.484.690	1.031.063.822	5.869.998	6.856.043.090
Tăng do điều chuyển						-
Giảm do điều chuyển						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Tại ngày 30/06/2025	87.341.045.416	457.781.700	18.226.555.612	12.773.240.140	37.372.321	118.835.995.189
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	192.620.913.677	1.180.934.278	21.296.195.322	9.612.525.540	27.197.677	224.737.766.494
Tại ngày 30/06/2025	188.384.312.257	1.442.066.316	20.702.710.632	8.581.461.718	21.327.679	219.131.878.602

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	9.069.505.000	190.000.000	9.259.505.000
Mua trong năm			-
Tăng do điều chuyển			-
Giảm do điều chuyển			-
Tại ngày 30/06/2025	9.069.505.000	190.000.000	9.259.505.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	2.420.402.022	190.000.000	2.610.402.022
Khấu hao trong năm	93.430.020		93.430.020
Tăng do điều chuyển			-
Giảm do điều chuyển			-
Tại ngày 30/06/2025	2.513.832.042	190.000.000	2.703.832.042
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	6.649.102.978	-	6.649.102.978
Tại ngày 30/06/2025	6.555.672.958	-	6.555.672.958

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 30/06/2025
-----------	------------------------	-------------------	-------------------	------------------------

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Nguyên giá:

Tòa nhà Sonadezi	300.406.562.166			300.406.562.166
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	10.215.965.191			10.215.965.191
Nhà xưởng cho thuê	438.030.412.675		20.539.987.991	437.980.092.670
Quyền sử dụng đất	565.292.683.748			565.292.683.748
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	707.152.931.282		192.547.834	706.960.383.448
Cộng	2.021.098.555.062	-	20.732.867.839	2.020.855.687.223

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tòa nhà Sonadezi	136.183.757.187	2.540.977.892		138.724.735.079
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	8.787.312.365	178.581.604		8.965.893.969
Nhà xưởng cho thuê	115.259.387.938	7.739.472.275	5.310.341.678	117.688.518.535
Quyền sử dụng đất	149.679.211.059	6.181.127.214		155.860.338.273
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	383.531.416.239	14.586.573.023		398.117.989.262
Cộng	793.441.084.788	31.226.732.008	5.310.341.678	819.367.475.118

Giá trị còn lại:

Tòa nhà Sonadezi	164.222.804.979			162.952.316.033
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	1.428.052.826			1.339.362.024
Nhà xưởng cho thuê	322.771.024.737			318.808.232.902
Quyền sử dụng đất	415.613.472.089			412.522.909.082
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	323.621.515.043			316.132.958.831
Cộng	1.227.657.470.274			1.211.755.778.872

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	22.132.083	152.302.253
Các khoản khác	653.631.499	407.166.106
Cộng	675.763.582	559.468.359
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả một lần cho diện tích 1.532.343 m ² tại Khu công nghiệp Giang Điền (*)	138.446.814.133	138.446.814.133
Tiền thuê đất trả một lần cho diện tích 710.455 m ² tại Khu công nghiệp Giang Điền (*)	514.684.559.681	514.684.559.681
Công cụ dụng cụ	629.642.738	786.146.956
Chi phí khác	19.162.240.297	20.524.793.066
Cộng	672.923.256.849	674.442.313.836

4.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên có liên quan:	2.395.897.875	2.395.897.875	719.188.745	719.188.745
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	258.810.390	258.810.390	257.546.952	257.546.952
Công ty Cổ Phần Môi Trường Sonadezi	27.118.800	27.118.800	25.887.600	25.887.600
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	208.908.720	208.908.720	435.754.193	435.754.193
Công ty CP Cấp nước Đồng nai	1.901.059.965	1.901.059.965	-	-
Phải trả cho người bán khác:	6.823.997.460	6.823.997.46	9.987.667.270	9.987.667.270
Công ty TNHH Thịnh Phong	509.720	509.720	509.720	509.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện lạnh REE	1.754.921.430	1.754.921.430	1.754.921.430	1.754.921.430
Lãi vay phải trả KDC An Bình	2.734.601.694	2.734.601.694	2.682.792.643	2.682.792.643
Công ty TNHH Xuân Quý	-	-	1.039.675.000	1.039.675.000
Phải trả cho các đối tượng khác	2.333.964.616	2.333.964.616	4.509.768.477	4.509.768.477

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cộng	<u>9.219.895.335</u>	<u>9.219.895.335</u>	<u>10.706.856.015</u>	<u>10.706.856.015</u>
-------------	-----------------------------	-----------------------------	------------------------------	------------------------------

4.13 Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả cho người bán khác:	4.175.077.273	4.175.430.184
Trả trước từ hoạt động kinh doanh nhà - Khu dân cư An Bình	4.175.077.273	4.175.077.273
Trả trước các đối tượng khác	-	352.911
Cộng	<u>4.175.077.273</u>	<u>4.175.430.184</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2025		Trong năm		Tại ngày 30/06/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.213.800.852	43.553.219.626	45.206.565.174	-	5.867.146.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.079.558.861	28.500.000.000	28.827.848.677	-	8.407.407.538
Thuế thu nhập cá nhân	-	241.265.333	1.563.840.167	2.970.822.834	-	1.648.248.000
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	62.516.014	62.516.014	-	-
Tiền thuế đất	-	-	165.083.520	165.083.520	-	-
Tiền thuế đất	-	-	5.488.500	5.488.500	-	-
Cộng	-	12.534.625.046	73.853.147.827	77.241.324.719	-	15.922.801.938

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15 Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.351.399.133	36.007.053.503
Kho bạc nhà nước chuyển phí cơ sở hạ tầng cho đất tái định cư	488.719.000	488.719.000
Cổ tức	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.389.983.466	7.684.294.213
Cộng	50.230.101.599	44.180.066.716
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	58.749.304.315	81.671.026.673
Cộng	58.749.304.315	81.671.026.673

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Khách hàng trả trước tiền thuê đất và thuê hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền	142.657.393.786	100.114.272.360
Khách hàng trả trước tiền thuê nhà xưởng tại KCN Giang Điền	3.734.849.423	1.758.679.403
Khách hàng trả trước tiền thuê tại Cao ốc Sonadezi	30.180.765	119.360.614
Cộng	146.422.423.218	101.992.312.377
Dài hạn:		
Khách hàng trả trước tiền thuê đất và thuê hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền	3.095.474.171.357	2.699.904.710.097
Khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng tại cao ốc Sonadezi	2.727.279	3.636.369
Cộng	3.095.476.898.636	2.699.908.346.466

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Hoàn trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Hoàn chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Quỹ khen thưởng	3.522.289.972	1.898.652.900	-	(2.729.000.000)	-	2.691.942.872
	Quỹ phúc lợi	10.901.724.394	3.697.305.800	-	(251.472.040)	-	14.347.558.154
	Cộng	14.424.014.366	5.595.958.700	-	(2.980.472.040)	-	17.039.501.026

4.18 Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	548.980.000.000		94.403.770.564	907.645.136.227
Lợi nhuận trong năm nay	-		-	114.705.450.367
Trích lập các quỹ trong năm	-		27.729.793.500	(5.545.958.700)
Chia cổ tức trong năm	-		-	(82.347.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	548.980.000.000		122.133.564.064	934.457.627.894

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	255.000.000.000	255.000.000.000
Các Cổ đông khác	293.980.000.000	293.980.000.000
Cộng	548.980.000.000	548.980.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.898.000	54.898.000
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	54.898.000	54.898.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	54.898.000	54.898.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.		

4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	114.705.450.367
Trích quỹ đầu tư phát triển	-
Tạm ứng cổ tức năm 2025	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	114.705.451.367
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	54.898.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Doanh thu kinh doanh đất, hạ tầng KCN Giang Điền	50.467.551.499	42.898.877.812
Doanh thu cho thuê văn phòng	11.346.372.801	10.586.905.250
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	68.475.081.898	36.013.976.658
Doanh thu bán nhà, cơ sở hạ tầng Khu dân cư An Bình	-	-
Doanh thu kinh doanh nước sạch	5.846.151.900	7.247.133.500
Doanh thu xử lý nước thải	5.054.233.732	4.524.104.579
Cộng	141.189.391.830	101.270.997.799
Doanh thu cho thuê tài sản ghi nhận theo tổng số tiền nhận trước trong năm (*)	-	-
Tổng cộng	<u>141.189.391.830</u>	<u>101.270.997.799</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Giá vốn kinh doanh đất, hạ tầng KCN Giang Điền	16.619.252.393	17.294.507.207
Giá vốn cho thuê văn phòng	7.033.188.704	7.143.968.797
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	21.343.542.933	6.964.684.270
Giá vốn bán nhà, cơ sở hạ tầng Khu dân cư An Bình	-	-
Giá vốn kinh doanh nước sạch	5.633.962.655	6.740.857.269
Giá vốn xử lý nước thải	3.691.719.873	3.879.174.623
Cộng	<u>54.321.666.558</u>	<u>42.023.192.166</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.117.885.845	1.985.004.504
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	5.117.885.845	1.985.004.504

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 01/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Chi phí lãi vay	25.262.551	26.841.463
Chi phí tài chính khác	10.870.200	8.197.200
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
Cộng	36.132.751	35.038.663

5.5 Chi phí bán hàng

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Chi phí lương nhân viên	524.053.800	520.353.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.878.256.663	16.218.860.888
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.130.000	2.130.000
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Cộng	8.404.440.463	16.741.344.514

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Chi phí lương nhân viên	3.615.158.298	3.912.996.242
Chi phí đồ dùng văn phòng	382.357.588	375.014.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.464.900	274.195.097
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.201.149.243	1.117.480.857
Chi phí bằng tiền khác	251.273.223	587.664.700
Chi phí dự phòng	4.291.934.738	813.166.819
Cộng	9.983.337.990	7.080.518.274

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7 Thu nhập khác**

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	50.259.114	187.152.560
Thu nhập khác	157.896.000	-
Cộng	208.155.114	187.152.560

5.8 Chi phí khác

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác	-	-
Chi phí khác	32.407.407	11.435.417
Cộng	32.407.407	5.270.840

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	2.339.207.547	2.658.510.825
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	-
Chi phí nhân công	5.915.551.657	5.894.113.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.327.268.894	6.736.619.328
Chi phí dự phòng	4.291.934.738	813.166.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.922.883.787	36.289.519.737
Chi phí bằng tiền khác	256.761.723	587.664.700
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Cộng	44.053.608.346	52.979.594.527

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Quý 02/2025 VND	Quý 02/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.737.447.620	37.551.625.829
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	319.316.838	303.566.379
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	74.056.764.458	37.855.192.208
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	74.056.764.458	37.855.192.208
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	74.056.764.458	37.855.192.208
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.811.352.892	7.571.038.442
Tổng cộng	14.811.352.892	7.571.038.442

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không liên quan tới hoạt động kinh doanh, thù lao của Hội đồng quản trị không chuyên trách,...

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 96/NQ-SZG ngày 21/05/2024, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền không còn là Công ty con gián tiếp của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp kể từ ngày 21/05/2024 do không đủ điều kiện theo Điều 195 Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, cụ thể như sau:

Nội dung	Trước ngày 21/05/2024	Từ ngày 21/05/2024
Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp tại Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	46,00%	46,00%
Số thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn của Tổng công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp tại Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	3/5	2/5

Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Các công ty con, liên kết của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp
- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Các công ty nội bộ tập đoàn
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Tổng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	47.366.836	47.366.836
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	16.303.578	16.235.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	20.453.857	-
Cộng	518.685.454	63.602.137
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khác ngắn hạn:		
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu của khách hàng dài hạn:	-	-
Cộng	-	-
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước người bán ngắn hạn:	-	111.000.000
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	-	111.000.000
Cộng	-	111.000.000
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước người bán dài hạn:	-	-
Cộng	-	-
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:	258.810.390	257.546.952
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	27.118.800	25.887.600
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	208.908.720	435.754.193
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	1.901.059.965	-
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	-
Cộng	2.395.897.875	719.188.745
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả khác ngắn hạn:	532.728.840	532.728.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	532.728.840	532.728.840
Cộng	532.728.840	532.728.840

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Người mua trả tiền trước:	-	-
Cộng	-	-
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả khác dài hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	1.074.817.500	1.074.817.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	388.537.317	319.145.994
Cộng	<u>1.463.354.817</u>	<u>1.393.963.494</u>

Trong Quý 02/2025, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Quý 02/2025 VND
Cung cấp dịch vụ:	
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	1.206.392.046
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	728.701.592
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	442.6440.217
Cộng	<u>2.377.737.855</u>

	Quý 02/2025 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	754.068.086
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	71.400.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	850.502.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	5.383.422.060
Cộng	<u>7.059.382.146</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT****7.1. Thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị**

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 02/2025
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT		41.000.000
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT		35.000.000
Ông Ngô Xuân Quảng	Thành viên HĐQT		24.000.000
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên HĐQT		35.000.000
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên HĐQT		24.000.000
Cộng			159.000.000

7.2. Thù lao, tiền thưởng Ban kiểm soát

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 02/2025
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng BKS	Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2025	10.520.000
Bà Trịnh Thị Hoa	Trưởng BKS	Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2025	24.480.000
Bà Nguyễn Tú Loan	Thành viên BKS		23.000.000
Ông Trần Việt Long	Thành viên BKS		24.000.000
Cộng			82.000.000

7.3. Tiền lương, tiền thưởng của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 02/2025
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám Đốc		189.500.000
Ông Ngô Xuân Quảng	Phó Tổng Giám Đốc		155.900.000
Ông Nguyễn Duy Hoà	Kế toán trưởng		103.400.000
Cộng			448.800.000

Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2025


Lương Anh Tú
Người lập


Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng




Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám Đốc